

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2023/DSST
Ngày: 31-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Nguyễn Tuấn Trung**
- Ông **Thạch Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 321/2022/TLST-DS, ngày 14/02/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2023/QĐXXST-DS, ngày 21/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 224/2023/QĐST-DS, ngày 12/7/2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thạch Thị Sa R**, sinh năm 1989, có đơn xin vắng mặt; Nơi cư trú: Ấp Ô Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1971; Anh **Thạch Đ**, sinh năm 1971; vắng mặt không có lý do; Nơi cư trú: Ấp Ô Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị Sa R trình bày:

Chị **Thạch Thị Sa R** có tham gia hui do chị **Nguyễn Thị H**, anh **Thạch Đ** làm chủ đầu thảo (Chủ hui), hui mở ngày 15/12/2019, khai theo vụ lúa (04 tháng khai 01 lần), loại hui 5.000.000 đồng và 10.000.000 đồng, huê hồng cho chủ đầu thảo ở mỗi lần khai là 2.000.000 đồng đối với loại hui 5.000.000 đồng và 4.000.000 đồng đối với loại hui 10.000.000 đồng, hui đều có 16 phần, tên trong

dây hội của chị R là Đenh Dênh K, các bên thỏa thuận bằng lời nói, không có làm văn bản, nhưng chủ đầu thảo có giao danh sách hội viên cho chị theo dõi.

- Đối với loại hội 5.000.000 đồng, chị tham gia 01 phần hội ở dây hội số 02, hội gồm có 16 phần, chị R đóng hội sống đầy đủ, cụ thể như sau: Lần khai thứ 01: Chị Nguyễn Thị H kiu hội 2.000.000 đồng, chị đóng hội sống 3.000.000 đồng; Lần khai thứ 02: Chị Nguyễn Thị H kiu hội 3.500.000 đồng, chị đóng hội sống 1.500.000 đồng. Chị R đóng 02 lần hội sống là 4.500.000 đồng.

- Đối với loại hội 10.000.000 đồng, chị tham gia 01 phần hội ở dây hội số 02, hội gồm có 16 phần, chị Riêng đóng hội sống đầy đủ, cụ thể như sau: Lần khai thứ 01: Chị Nguyễn Thị H (Chủ đầu thảo) kiu hội 4.000.000 đồng, chị đóng hội sống 6.000.000 đồng; Lần khai thứ 02: Chị Nguyễn Thị H kiu hội 7.000.000 đồng, chị đóng hội sống 3.000.000 đồng. Chị R đóng 02 lần hội sống là 9.000.000 đồng.

Chị R không có tham gia 01 phần hội trong loại hội 5.000.000 đồng, mở ngày 15/12/2019, ở dây hội số 02, do có sự nhầm lẫn khi đánh đơn khởi kiện nên chị R rút lại yêu cầu khởi kiện đối với dây hội này. Đối với loại hội 10.000.000 đồng, ngày 15/12/2019, trong dây hội số 02, chị R tham gia tổng cộng là 1,5 phần. 01 phần của chị tham gia là chị đang khởi kiện, còn 0,5 phần là chị hùn với chị H chủ đầu thảo nhưng chị chỉ khởi kiện 01 phần còn 0,5 phần hùn với chị H trong cùng dây hội thì chị sẽ khởi kiện sau, không yêu cầu trong vụ án này.

Chị R yêu cầu chị Nguyễn Thị H, anh Thạch Đ có nghĩa vụ trả cho chị R số tiền hội còn nợ 9.000.000 đồng. Chị Sa Riêng không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H, anh Thạch Đ: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H, anh Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Sa R nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên thống nhất, không thống nhất. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn đã không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Sa R là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội biểu phùng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị H, anh Thạch Đ có nghĩa vụ trả tiền hội cho chị Thạch Thị

Sa R bằng 9.000.000 đồng, không phải trả lãi. Đình chỉ đối với yêu cầu của chị R về việc yêu cầu chị H, anh Đ trả số tiền 4.500.000 đồng, trong dây hui mở ngày 15/12/2019, loại hui 5.000.000 đồng (Dây 02). Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Thạch Thị Sa R vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt; Bị đơn chị Nguyễn Thị H, anh Thạch Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị R, chị H, anh Đ.

[1.2] Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần nên căn cứ vào Điều, 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[1.3] Ngày 30/8/2022, Tòa án ra quyết định nhập 02 vụ án thụ lý từ số: 320 đến số: 321/2022/TLST-DS, ngày 14/02/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui” thành 01 vụ án thụ lý số: 321/2022/TLST-DS, ngày 14/02/2022.

[1.4] Đình chỉ đối với yêu cầu của chị Thạch Thị Sa R về việc yêu cầu chị H, anh Đ trả số tiền 4.500.000 đồng, trong dây hui mở ngày 15/12/2019, loại hui 5.000.000 đồng (Dây 02).

[2] Về nội dung vụ án: Chị Thạch Thị Sa R yêu cầu chị Nguyễn Thị H, anh Thạch Đ trả tiền hui sống trong dây hui mở ngày 15/12/2019, loại hui 10.000.000 đồng (Dây hui số 02), hui khai theo vụ lúa bằng 9.000.000 đồng. Chị Thạch Thị Sa R không yêu cầu tính lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Sa R, qua các tài liệu, chứng cứ mà chị Thạch Thị Sa R cung cấp và lời xác nhận của hui viên tham gia góp hui cùng chị Sa R như bà Lý Thị B (Tên danh sách hui là Út B) xác nhận chị Thạch Thị Sa R có tham gia hui do chị Nguyễn Thị H, anh Thạch Đ làm chủ đầu thảo loại hui 10.000.000 đồng, mở ngày 15/12/2019, ở dây hui số 02, hui khai theo vụ lúa là có thật.

[4] Đối với chị Nguyễn Thị H, anh Thạch Đ mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện với chị Thạch Thị Sa R nhưng Tòa án có sao gửi các chứng cứ mà chị Thạch Thị Sa R đã nộp gồm: Đơn khởi kiện ngày 27/10/2021, danh sách hui viên trong dây hui mở ngày 15/12/2019 thể hiện chị H, anh Đ là chủ hui trong dây hui mà chị Thạch Thị Sa R đã khởi kiện để cho chị H, anh R có ý kiến hoặc phản hồi về những chứng cứ mà chị R đã nộp. Tuy nhiên, chị H, anh Đ không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của chị Riêng về việc buộc vợ chồng chị H, anh Đ trả số tiền hui sống còn nợ 9.000.000 đồng. Xét thấy, việc

chị H, anh Đ ngưng khai hội là vi phạm nghĩa vụ của chủ hội, khi chủ hội không khai hội tiếp thì chủ hội phải có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền hội sống mà hội viên đã góp hội nên căn cứ vào Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội biểu phưởng, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Sa R là hoàn toàn có căn cứ, chị Thạch Thị Sa R không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[5] Đối với 0,5 phần hội chị Sa R hùn với chị H, anh Đ trong dây hội mở ngày 15/12/2019, loại hội 10.000.000 đồng, dây hội số 02, chị R không yêu cầu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H, anh Thạch Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Thạch Thị Sa R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 42, 91, 92, 147 và Điều 217, 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội biểu phưởng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Sa R.

Buộc chị Nguyễn Thị H, anh Thạch Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Thạch Thị Sa R số tiền hội sống mà chị Thạch Thị Sa R đã góp bằng 9.000.000 đồng (Trong dây hội mở ngày 15/12/2019, loại hội 10.000.000 đồng, hội khai theo vụ lúa, dây hội số 02). Chị Thạch Thị Sa R không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của chị Thạch Thị Sa R về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị H, anh Thạch Đ có nghĩa vụ trả cho chị R số tiền hội sống đã góp 4.500.000 đồng, trong dây hội mở ngày 15/12/2019, loại hội 5.000.000 đồng, hội khai theo vụ lúa, dây hội số 2.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị H, anh Thạch Đ phải chịu 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Thạch Thị Sa R không phải chịu án phí; Hoàn trả cho chị Thạch Thị Sa R số tiền tạm ứng án phí 387.500 đồng tại các biên lai thu tiền số 0002981, 0002982, cùng ngày 08/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tú Trinh

